

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BÌNH MINH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày: 07 - 02 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Khắc Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Tú

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

**- Thư ký phiên toà:** Ông Cao Võ Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên toà:**  
Ông Phạm Văn Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2015/TLST-HS ngày 09/12/2015 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/HSST-QĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. Lê Văn D**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: xóm 11, xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Chỗ ở hiện nay: phường Hiệp Thành, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Quang (chết) và bà Nguyễn Thị Huệ; anh chị em ruột: 01 người (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1990); có vợ tên Trần Thị Minh Lễ; nhân thân: tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Cái Tàu – TC VIII – Bộ công an (Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Lê Phương B**, sinh năm 1981. Trú tại: ấp Tân Quang, xã Hiếu Phụng, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê, trình độ văn hóa: 6/12; dân

tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Xứng và bà Trần Thị Thu Dung; có vợ tên Lê Ngọc Phương; nhân thân: tiền án: 01; tiền sự: không;

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 7 – TC VIII – Bộ công an (Địa chỉ: Địa chỉ: xã Đồng Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại:*

1. **Nguyễn Thị Thúy Diễm**, sinh năm 1980. Trú tại: K26, đường Trần Phú, Khóm 6, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

2. **Đặng Minh Hoàng**, sinh năm 1965. Trú tại: số 310B, ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

3. **Võ Hoàng Khải**, sinh năm 1981. Trú tại: số 39C, Cao Thắng, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

4. **Nguyễn Thị Thu Hồng**, sinh năm 1980. Trú tại: khóm Đông Bình A, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

5. **Võ Thái Vinh**, sinh năm 1986. Trú tại: khóm Đông Thuận, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

6. **Lê Quốc Anh**, sinh năm 1995. Trú tại: ấp Tân Nguyên, xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

**Đông Thị Xuyên**, sinh năm 1981. Trú tại: số 39C, Cao Thắng, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2010 bị cáo Lê Văn D đi từ quê nhà ở xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định vào phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh ở, rồi D quen biết với tên Bé (không rõ họ, tên địa chỉ cụ thể). Bị cáo D và Bé kết hợp với nhau đi thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn các tỉnh. Đến năm 2014 Bé giới thiệu cho D biết tên Lê Phương B, từ đó D, Bé và B cấu kết với nhau đi xuống các tỉnh Miền Tây thuê nhà trọ ở để đi trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

**Vụ thứ 1:** Vào khoảng 10 giờ ngày 17/3/2014 B điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở bị cáo D đi từ TP. Cần Thơ qua địa bàn thị xã Bình Minh để trộm xe. Khi đến trường mầm non Sen Hồng thuộc khóm Đông Thuận, phường Đông Thuận, TX. Bình Minh, thì thấy chiếc xe mô tô hiệu AIR BLADE biển số 64H1-

082.90 của chị Nguyễn Thị Thu Hồng - là giáo viên của Trường Sen Hồng đang dựng trong sân trường mà không có người trông coi, B dừng xe lại đậu ngoài đường, còn D thì đi đến chiếc xe mô tô dùng cây đoản mở ổ khoá chiếc xe 64H1-082.90 rồi D dẫn xe ra lộ đề máy chạy xe về nhà trọ Trần Đức 1 ở Cần Thơ rồi D mở yên xe lên thấy trong cốp xe có thẻ ATM và nhiều loại giấy tờ khác cùng với số tiền hơn 3.000.000đồng, D lấy tiền ra chia đôi với B còn chiếc xe 64H1-082.90 thì B điện thoại kêu tên Nguyễn Xuân Hải (Quân Khùng) đến bán chiếc xe được số tiền là 12.000.000đồng, D và B chia ra mỗi người là 6.000.000đồng.

**Vụ thứ 2:** Đến khoảng 10 giờ 30 ngày 19/3/2014 tên Bé điều khiển xe mô tô của B (không rõ biển số) chở D đi từ TP. Cần Thơ qua địa bàn thị xã Bình Minh tìm xe mô tô để trộm. Khi đến tiệm uốn tóc Hồng Nhung ở khóm Đông Thuận, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh thì thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu AIR BLADE biển số 64H1-092.96 của anh Võ Thái Vinh đang dựng phía trước tiệm uốn tóc mà không có người trông coi, thì Bé dừng xe lại để cho D xuống xe đi đến chiếc xe 64H1-092.96, D dùng cây đoản mở ổ khoá xe ra rồi D đề máy chạy xe về nhà trọ Trần Đức 1 ở Cần Thơ, rồi Bé điện thoại kêu tên Trần Văn Kinh (Hai Kinh) đến bán chiếc xe vừa trộm được của anh Vinh với giá 12.000.000đồng, D và Bé chia ra mỗi người 6.000.000 đồng.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số: 15/KL.ĐGTS, ngày 19/6/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bình Minh kết luận: Chiếc xe mô tô biển số 64H1-082.90 của chị Hồng bị D và B lấy trộm trị giá 35.521.500đồng .

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số: 17/KL.ĐGTS, ngày 19/6/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bình Minh kết luận: Chiếc xe mô tô biển số 64H1-092.96 của anh Vinh bị D và Bé lấy trộm trị giá 35.100.000 đồng.

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 15/7/2014 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Bình Minh ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” để điều tra, cho đến ngày 03/11/2015 khởi tố bị Lê Phương B, tiến hành điều tra.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh được, ngoài 02 vụ trộm ở thị xã Bình Minh, thì bị cáo D cùng đồng bọn còn trộm cắp xe mô tô ở nhiều nơi khác như sau:

**Vụ thứ 3:** Vào ngày 24/01/2014 bị cáo D đi với bị cáo B đến Chung cư Phường 4, TP. Vĩnh Long thấy 01 chiếc xe hiệu SH biển số 64C1-069.34 của chị Nguyễn Thị Thuý Diễm, trong cốp yên xe có khoảng 12.000.000đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 11 chỉ, 01 ĐTDĐ hiệu Nokia C3 cùng giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, giấy CMND của chị Diễm và 01 sổ đồ trang sức. Bị cáo D và

B lén lúc lấy trộm xe rồi bán cho tên Quân Khùng chia tiền ra tiêu xài (Bút lục số 56 - 62).

**Vụ thứ 4:** Vào ngày 25/02/2014 bị cáo D đi với bị cáo B đến nhà của anh Đặng Minh Hoàng, sinh năm: 1965 ở số 310B, ấp Vĩnh Hoà, xã Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu AIR BLADE biển số 64C1-026.36 của anh Hoàng đang dựng trong sân nhà thì D lén lúc lấy trộm chiếc xe đem về bán cho tên Hải với giá 8.000.000 đồng, D và B chia tiền ra tiêu xài. (Bút lục số 21-26).

**Vụ thứ 5:** Vào ngày 16/3/2014 bị cáo D đi với bị cáo B đến nhà của chị Đồng Thị Xuyên, sinh năm: 1981 ngụ số 39C, Cao Thắng, Khóm 2, Phường 8, TP. Vĩnh Long thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu Future biển số 64D1-085.86 của anh Khải đang dựng trước sân nhà thì D lén lúc lấy trộm chiếc xe đem về bán cho tên Quân Khùng được 8.000.000 đồng rồi lấy tiền chia ra tiêu xài (Bút lục 39- 44).

**Vụ thứ 6:** Vào ngày 10/5/2014 bị cáo D đi cùng tên Bé đến nhà trọ A Hải, tại số 504, tổ 39, ấp Phước Yên A, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, Vĩnh Long, D đột nhập vào Phòng trọ số 5 lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Wave RS biển số 64E1-159.57 của anh Lê Quốc Anh, sinh năm: 1995 ngụ ấp Tân Nguyên, xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình, Vĩnh Long đem về bán cho tên Hai Kinh được 7.000.000 đồng, D và Bé chia tiền ra tiêu xài (Bút lục số 174-178).

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số 77/KL.ĐGTS, ngày 05/11/2014 của Hội đồng định giá TSTTTHS thành phố Vĩnh Long kết luận: Chiếc xe hiệu SH biển số 64C1-069.34 của chị Diễm trị giá 68.232.400 đồng và 11 chỉ vàng 18K trị giá 25.300.000đ.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số 61/KL.ĐGTS, ngày 29/9/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thành phố Vĩnh Long kết luận: Chiếc xe hiệu AIR BLADE biển số 64C1-026.36 của anh Đặng Minh Hoàng trị giá 26.943.000 đồng.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số 60/KL.ĐGTS, ngày 29/9/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thành phố Vĩnh Long kết luận: Chiếc xe hiệu Future biển số 64D1-085.86 của chị Đồng Thị Xuyên trị giá 24.800.000 đồng.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số 110, ngày 22/10/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Long Hồ kết luận: Chiếc xe hiệu Wave RS biển số 64E1-159.57 của anh Lê Quốc Anh trị giá 17.721.000 đồng.

Về bồi thường thiệt hại và những vấn đề liên quan:

- Đối với chị Nguyễn Thị Thu Hồng: yêu cầu hai bị cáo bồi thường lại giá trị chiếc xe 64H1-082.90 với số tiền là 35.521.500 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng trắng trị giá 4.500.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng trắng trị giá 600.000đ và số tiền 6.000.000 đồng. Tổng cộng là: 46.621.500 đồng.

- Đối với anh Võ Thái Vinh: yêu cầu bị cáo D bồi thường giá trị chiếc xe 64H1-092.96 với số tiền là 35.100.000 đồng.

- Đối với chị Nguyễn Thị Thúy Diễm: yêu cầu hai bị cáo D, B bồi thường lại cho chị số tài sản bị lấy trộm là chiếc xe SH trị giá 68.232.400đ, 11 chỉ vàng 18K trị giá 25.300.000đ, 01 ĐTDĐ trị giá 1.000.000đ và số tiền 11.700.000đ. Tổng cộng là: 106.232.400đồng.

- Đối với anh Đặng Minh Hoàng: yêu cầu hai bị cáo D và B bồi thường giá trị chiếc xe mô tô 64C1-026.36 với số tiền là 26.943.000 đồng.

- Đối với anh Võ Hoàng Khải (chồng chị Xuyên) yêu cầu hai bị cáo D và B bồi thường giá trị chiếc xe 64D1-085.86 với số tiền là 24.800.000 đồng.

- Đối với anh Lê Quốc Anh: yêu cầu bị cáo D bồi thường giá trị chiếc xe 64E1-159.57 với số tiền là 17.721.000đồng; Nhưng đến nay các bị cáo chưa bồi thường được phần nào cho những bị hại.

- Đối với bị cáo D có khai ra được B và Bé đi cùng D trộm cắp nhiều vụ, Cơ quan điều tra đã chứng minh được B nên ra quyết định khởi tố để xử lý đối với B. Còn tên Bé không rõ tên tuổi và địa chỉ cụ thể ở đâu Cơ quan điều tra không tìm được nên chưa có cơ sở xử lý Bé.

Đối với Nguyễn Xuân Hải, Trần Văn Kinh mà D khai có mua xe do D cùng đồng bọn trộm cắp bán lại, nhưng Hải, Kinh mua quá nhiều xe nên không xác định được chiếc xe nào là của D bán nên Cơ quan điều tra công an tỉnh Vĩnh Long tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

Đối với xe mô tô biển số 95F4-6649 của bị cáo B dùng để chở D đi trộm cắp tài sản thì bị Công an TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bắt và bị Toà án TP. Rạch Giá, Kiên Giang tuyên án tịch thu xe 95F4-6649 sung vào công quỹ Nhà nước xong.

*Tại phiên toà,*

\* Bị cáo D khai nhận: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã truy tố, bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thấy ăn năn hối cải, nên xin Hội đồng xét xử chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

\* Bị cáo B khai nhận: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã truy tố, bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thấy ăn năn hối cải, nên xin Hội đồng xét xử chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

\* Bị hại Nguyễn Thị Thúy Diễm trình bày: Về bồi thường thiệt hại, chị yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe là 68.232.400 đồng và tiền trong cặp xe là 11.700.000 đồng, chị không yêu cầu bồi thường giá trị số vàng bị mất và cũng không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào. Về trách nhiệm hình sự, chị không có ý kiến.

\* Tại Bản cáo trạng số 67/KSĐT ngày 23/11/2015 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh truy tố Lê Văn D và Lê Phương B để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

\* Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Sau khi nêu tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo bị cáo, riêng bị cáo B có bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng. Tuy nhiên, các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm và phạm tội có tổ chức, nên cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo. Cuối cùng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn D mức án từ 07 đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Phương B mức án từ 07 đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chiếc xe biển số 95F4-6649 của bị cáo B, dùng để chở bị cáo D đi trộm cắp, đã bị Tòa án thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tịch thu sung quỹ nên không xem xét.

- Về bồi thường thiệt hại, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho những bị hại sau:

+ Đối với chị Nguyễn Thị Thu Hồng: Buộc bị cáo D, B bồi thường lại giá trị chiếc xe 64H1-082.90 với số tiền là 35.521.500 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng trắng trị giá 4.500.000đồng, 01 chiếc nhẫn vàng trắng trị giá 600.000đ và số tiền 6.000.000 đồng. Tổng cộng là: 46.621.500 đồng.

+ Đối với anh Võ Thái Vinh: Buộc bị cáo D bồi thường giá trị chiếc xe 64H1-092.96 với số tiền là 35.100.000 đồng.

+ Đối với chị Nguyễn Thị Thúy Diễm: Buộc bị cáo D, B bồi thường lại cho chị số tài sản bị lấy trộm là chiếc xe SH trị giá 68.232.400đ, 11 chỉ vàng 18K trị giá 25.300.000đ, 01 ĐTDĐ trị giá 1.000.000đ và số tiền 11.700.000đ. Tổng cộng là: 106.232.400đồng.

+ Đối với anh Đặng Minh Hoàng: Buộc hai bị cáo D và B bồi thường giá trị chiếc xe mô tô 64C1-026.36 với số tiền là 26.943.000 đồng.

+ Đối với anh Võ Hoàng Khải (chồng chị Xuyên): Buộc hai bị cáo D và B bồi thường giá trị chiếc xe 64D1-085.86 với số tiền là 24.800.000 đồng.

+ Đối với anh Lê Quốc Anh: Buộc bị cáo D bồi thường giá trị chiếc xe 64E1-159.57 với số tiền là 17.721.000đồng;

\* Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Đối với bị cáo Lê Văn D: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy rất ăn năn hối hận, nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, chỉ xin xem xét số vàng trong bóp xe của bị hại Diễm.

- Đối với bị cáo Lê Phương B: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy rất ăn năn hối hận, nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, chỉ xin xem xét số vàng trong bóp xe của bị hại Diễm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bình Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Những bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng các đương sự nêu trên vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản định giá tài sản, Biên bản hiện trường cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh truy tố hai bị cáo Lê Văn D và Lê Phương B phạm về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của những người bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp, với bản chất thích hưởng thụ lười lao động, không trực tiếp tham gia lao động để tạo ra của cải cho bản thân mà các bị cáo lại đi trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích tiêu xài cá nhân, hành vi của các bị cáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản của mình.

[5] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý trực tiếp và cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, trong một thời gian ngắn mà các bị cáo lại thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe trên nhiều địa bàn khác nhau và cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, đây là các tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm e, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo tuy không có sự bàn bạc trước, nhưng các bị cáo đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm, có sự giúp sức lẫn nhau và chuẩn bị công cụ phương tiện để đi trộm cắp. Do đó, các bị cáo đã đồng phạm với nhau trong việc thực hiện tội phạm.

[6] Để thấy được tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, cần phân tích riêng hành vi phạm tội của từng bị cáo để cá thể hoá hình phạt cho từng bị cáo.

Trước hết, đối với hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn D: bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, trong các vụ trộm bị cáo là người trực tiếp dùng cây đoản để mở khoá xe, bị cáo thực hiện nhiều vụ trộm trên nhiều địa bàn khác nhau trong thời gian ngắn, sau khi lấy được tài sản, bị cáo liên hệ với các đối tượng khác để bán xe, chứng tỏ bị cáo cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án, là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Hơn nữa, bị cáo đã nhiều lần bị xử lý về hành vi trộm cắp tài sản của người khác, nhưng bị cáo không lấy đó để làm bài học cho bản thân, nên lần phạm tội này là thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, đây là những tình tiết tăng nặng theo quy định điểm e, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Sau cùng, đối với hành vi phạm tội của bị cáo Lê Phương B: tuy bị cáo không phải là người trực tiếp lấy xe, nhưng bị cáo dùng phương tiện là xe của bị cáo để chở bị cáo D đi tìm xe của những bị hại để trộm, bị cáo giữ vai trò giúp sức tích cực trong những vụ trộm, chính hành vi của bị cáo đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để bị cáo D lấy được tài sản của những người bị hại. Vì vậy, bị cáo đã đồng phạm với bị cáo D về tội “Trộm cắp tài sản”. Cho nên, đối với bị cáo cũng cần phải xử lý nghiêm, để giáo dục bị cáo thành người hữu ích cho xã hội.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bà nội bị cáo B là mẹ Việt Nam anh hùng nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ được xem xét cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo còn khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp nhiều nơi và đã được xử lý, nhưng trong hồ sơ chưa thể hiện bằng một bản án có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo. Vì vậy, việc tổng hợp sẽ được xem xét thực hiện theo quy định của pháp luật.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Do các bị cáo đồng phạm với nhau trong việc thực hiện nhiều vụ trộm, đối với nhiều bị hại, nên các bị cáo phải liên đới với nhau để bồi thường cho những người bị hại theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật dân

sự năm 2015. Tuy nhiên, trong những lần đi trộm, thì bị cáo D luôn giữ vai trò người thực hành, là người trực tiếp lấy xe của những bị hại, nên bị cáo phải chịu mức bồi thường cao hơn bị cáo B, cụ thể bị cáo D phải bồi thường 60% tổng thiệt hại, còn bị cáo B phải chịu 40% thiệt hại.

Tại phiên tòa, các bị hại vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra cũng có yêu cầu cụ thể và các bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của những bị hại, nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho những bị hại.

Như vậy, do các bị cáo có những lần thực hiện tội phạm khác nhau, nên cần xác định từng bị cáo thực hiện riêng đối với từng bị hại để liên đới bồi thường, cụ thể như sau:

[7.1] Đối với bị hại Nguyễn Thị Thu Hồng: Buộc bị cáo D và B phải liên đới bồi thường lại giá trị chiếc xe 64H1-082.90 với số tiền là 35.521.500 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng trắng trị giá 4.500.000đồng, 01 chiếc nhẫn vàng trắng trị giá 600.000đ và số tiền 6.000.000 đồng. Tổng cộng là: 46.621.500 đồng. Cụ thể bị cáo D phải bồi thường 27.972.900 đồng, bị cáo B phải bồi thường 18.648.600 đồng.

[7.2] Đối với bị hại Võ Thái Vinh: Buộc bị cáo D bồi thường giá trị chiếc xe 64H1-092.96 với số tiền là 35.100.000 đồng.

[7.3] Đối với bị hại Nguyễn Thị Thúy Diễm: Do chị Diễm chỉ yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường tiền giá trị chiếc xe và số tiền trong bóp xe, nên buộc bị cáo D, B liên đới bồi thường giá trị chiếc xe SH là 68.232.400đ và số tiền 11.700.000đ. Tổng cộng là: 79.932.500 đồng. Cụ thể, bị cáo D phải bồi thường là 47.959.440 đồng, bị cáo B bồi thường 31.972.900 đồng.

[7.4] Đối với bị hại Đặng Minh Hoàng: buộc hai bị cáo D và B liên đới bồi thường giá trị chiếc xe mô tô 64C1-026.36 với số tiền là 26.943.000 đồng. Cụ thể bị cáo D phải bồi thường là 16.165.800 đồng, bị cáo B bồi thường là 10.777.200 đồng.

[7.5] Đối với anh Võ Hoàng Khải (chồng chị Xuyen): Buộc hai bị cáo D và B liên đới bồi thường giá trị chiếc xe 64D1-085.86 với số tiền là 24.800.000 đồng. Cụ thể bị cáo D bồi thường số tiền 14.880.000 đồng, bị cáo B phải bồi thường 9.920.000 đồng.

[7.6] Đối với anh Lê Quốc Anh: Buộc bị cáo D bồi thường giá trị chiếc xe 64E1-159.57 với số tiền là 17.721.000 đồng;

[8] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm:

- Buộc các bị cáo D và B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
- Buộc bị cáo D phải nộp 7.990.000 đồng.
- Buộc bị cáo B phải nộp 3.566.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn D** và bị cáo **Lê Phương B** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm e, g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 53 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành đối với bản án này.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e, g khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 53 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Lê Phương B 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành đối với bản án này.

4. Do các bị cáo phạm tội ở nhiều nơi và đã được xử lý nhưng chưa được thể hiện bằng một bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt đối với từng bị cáo. Vì vậy việc tổng hợp sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường như sau:

[5.1] Đối với bị hại Nguyễn Thị Thu Hồng: Buộc bị cáo D và B phải liên đới bồi thường lại giá trị chiếc xe 64H1-082.90 với số tiền là 35.521.500 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng trắng trị giá 4.500.000đồng, 01 chiếc nhẫn vàng trắng trị giá 600.000đ và số tiền 6.000.000 đồng. Tổng cộng là: 46.621.500 đồng. Cụ thể bị cáo D phải bồi thường 27.972.900đ (hai mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm đồng), bị cáo B phải bồi thường 18.648.600đ (mười tám triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm đồng).

[5.2] Đối với bị hại Võ Thái Vinh: Buộc bị cáo D bồi thường giá trị chiếc xe 64H1-092.96 với số tiền là 35.100.000đ (ba mươi lăm triệu, một trăm nghìn đồng).

[5.3] Đối với bị hại Nguyễn Thị Thúy Diễm: Do chị Diễm chỉ yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường tiền giá trị chiếc xe và số tiền trong bóp xe, nên buộc bị cáo D, B liên đới bồi thường giá trị chiếc xe SH là 68.232.400đ và số tiền 11.700.000đ. Tổng cộng là: 79.932.500 đồng. Cụ thể, bị cáo D phải bồi thường là 47.959.440đ (bốn mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), bị cáo B bồi thường 31.972.900đ (ba mươi một triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm đồng).

[5.4] Đối với bị hại Đặng Minh Hoàng: buộc hai bị cáo D và B liên đới bồi thường giá trị chiếc xe mô tô 64C1-026.36 với số tiền là 26.943.000 đồng. Cụ thể bị cáo D phải bồi thường là 16.165.800 đồng, bị cáo B bồi thường là 10.777.200 đồng.

[5.5] Đối với anh Võ Hoàng Khải (chồng chị Xuyên): Buộc hai bị cáo D và B liên đới bồi thường giá trị chiếc xe 64D1-085.86 với số tiền là 24.800.000 đồng. Cụ thể bị cáo D bồi thường số tiền 14.880.000đ (mười bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng), bị cáo B phải bồi thường 9.920.000 (chín triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

[5.6] Đối với anh Lê Quốc Anh: Buộc bị cáo D bồi thường giá trị chiếc xe 64E1-159.57 với số tiền là 17.721.000đ (mười bảy triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Buộc bị cáo D phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) hình sự sơ thẩm và 7.990.000đ (bảy triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo B phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.566.000đ (ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các Bị cáo, Người bị hại biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND TVL;
- CA, VKS, THADS TXBM;
- Sở Tư Pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo, các đ/s;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Khắc Toàn**

